

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU HAI MẶT GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	Học lực	Lớp	TSHS	Giỏi		Khá		T.Bình		Yếu		Kém	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	HỌC LỰC	6A1	43	12	27,91	18	41,86	13	30,23				
2		6A2	43	7	16,28	14	32,56	22	51,16				
3													
4													
5				0									
		Tổng	86	19	22,09	32	37,21	35	40,70	0		0	
1	HỌC LỰC	7B1	36	11	30,56	20	55,56	5	13,89				
2		7B2	35	2	5,71	14	40,00	18	51,43	1	2,86		
3			0										
4													
5													
		Tổng	71	13	18,31	34	47,89	23	32,39	1	1,41	0	
1	HỌC LỰC	8C1	29	10	34,48	10	34,48	9	31,03	0	0,00	0	
2		8C2	27	8	29,63	10	37,04	10	37,04	2	7,41	0	
3												0	
4												0	
		Tổng	56	18	32,14	20	35,71	19	33,93	2	3,57	0	
1	HỌC LỰC	9D1	31	12	38,71	10	32,26	9	29,03	0			
2		9D2	30	6	20,00	15	50,00	9	30,00	0			
3													
4			0										
5			0										
		Tổng	61	18	29,51	25	40,98	18	29,51	0		0	
Toàn trường			274	68	24,82	111	40,51	95	34,67	3	1,09	0	

**CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU HAI MẶT GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	HK	Lớp	TSHS	Tốt		Khá		T.Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	HẠNH KIỂM	6A1	43	41	95,35	2	4,65						
2		6A2	43	40	93,02	3	6,98						
3													
4			0										
5			0										
		Tổng	86	81	94,19	5	5,81	0		0		0	
1	HẠNH KIỂM	7B1	36	36	100,00								
2		7B2	35	33	94,29	2	5,71	0		0			
3			0										
4													
5													
		Tổng	71	69	97,18	2	2,82	0		0		0	
1	HẠNH KIỂM	8C1	29	28	96,55	1	3,45	0		0			
2		8C2	27	25	92,59	2	7,41	0		0			
3													
4										0			
		Tổng	56	53	94,64	3	5,36	0		0		0	
1	HẠNH KIỂM	9D1	31	29	93,55	2	6,45	0					
2		9D2	30	28	93,33	2	6,67	0					
3													
4													
5			0										
		Tổng	61	57	93,44	4	6,56	0		0		0	
Toàn trường			274	260	94,89	14	5,11	0		0		0	